

PHÁT TRIỂN MẠNG AN TOÀN TÀI CHÍNH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ HOÀI LÊ *

Tóm tắt: Sau khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008, các nước trên thế giới trong đó có Việt Nam đang quan tâm đến việc thiết lập một mạng an toàn tài chính (ATTC) nhằm đảm bảo an toàn cho các định chế tài chính nói riêng, hệ thống tài chính nói chung. Bài viết phân tích thực trạng mạng ATTC quốc gia ở Việt Nam và giải pháp phát triển.

Từ khóa: Mạng an toàn tài chính, khủng hoảng tài chính.

1. Mạng an toàn tài chính

Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), an toàn tài chính xét trên góc độ một định chế tài chính phản ánh an toàn của định chế đó nếu nó thực hiện một cách có hiệu quả chức năng vốn có (phân bổ nguồn vốn, cung cấp phương tiện thanh toán cho các hoạt động kinh tế...), đồng thời có khả năng hạn chế hoặc xử lý các rủi ro trước khi các rủi ro đe dọa đến hệ thống tài chính - ngân hàng. ATTC của một định chế tài chính trung gian được thấy khi tài sản và nguồn vốn được ổn định, đáp ứng các nghĩa vụ nợ và rủi ro, không khủng hoảng và được biểu hiện bằng trạng thái tài chính bền vững. Xét trên phạm vi rộng hơn, ATTC của định chế tài chính trung gian không chỉ là trạng thái tài chính của mỗi định chế mà còn là ATTC của cả hệ thống, trong đó các cú “sốc” với quy mô bình thường phát sinh từ các định chế tài chính riêng lẻ không thể tạo ra cuộc khủng hoảng tài

chính cho hệ thống tài chính nói chung và hệ thống các định chế tài chính nói riêng. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), mạng ATTC là một công cụ của chính sách công được thiết kế nhằm giảm thiểu chi phí, rủi ro liên quan đến khủng hoảng của các định chế tài chính.

Theo thông lệ quốc tế, mạng ATTC của các nước bao gồm: Bộ Tài chính, Ngân hàng Trung ương, Cơ quan giám sát tài chính, tổ chức Bảo hiểm tiền gửi và một số cơ quan khác.

Mạng ATTC gồm có 4 yếu tố: bảo hiểm tiền gửi; người cho vay cuối cùng; các quy định pháp lý thận trọng và cơ chế giám sát; cơ chế giải quyết khủng hoảng. Mục tiêu chính của mạng ATTC là quản lý và giám sát an toàn cho hệ thống tài chính thông qua vai trò người cho vay cuối cùng, các hoạt động bảo

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

hiểm tiền gửi và các công cụ xử lý đồ vỡ ngân hàng.

Bảo hiểm tiền gửi được thiết lập trên cơ sở đóng góp (tự nguyện hoặc bắt buộc theo luật) của các ngân hàng thương mại (NHTM) theo những tỷ lệ phí nhất định, là công cụ bảo vệ một phần hoặc toàn bộ tiền gửi của người gửi tiền nhằm duy trì lòng tin của công chúng vào hệ thống tổ chức tín dụng. Trên thực tế, công cụ này được tổ chức, thực hiện khác nhau ở các nước, phụ thuộc vào đặc thù của từng hệ thống ngân hàng.

Người cho vay cuối cùng là tổ chức cung ứng vốn cuối cùng trong trường hợp các định chế tài chính trung gian gặp khủng hoảng hay căng thẳng về thanh khoản và khả năng thanh toán. Vai trò này thường được đặt cho Ngân hàng Trung ương (NHTW). Với chức năng, nguồn lực cũng như công cụ cung ứng vốn của mình, các NHTW có thể hỗ trợ về thanh khoản nhanh chóng cho các định chế tài chính trung gian, giúp hạn chế hoảng loạn và rủi ro có tính lan truyền.

Giám sát tài chính giúp phát hiện, ngăn ngừa và xử lý việc vi phạm các quy định hiện hành đối với khu vực tài chính và cuối cùng là duy trì ổn định trên thị trường tài chính. Cơ quan giám sát chính quốc gia phải được trao thẩm quyền đầy đủ trong giám sát các lĩnh vực, thị trường và định chế tài chính, có thể thực hiện giám sát từ xa và tại chỗ

thông qua các chỉ tiêu, quy chuẩn quốc gia (được ấn định một phần dựa trên thông lệ quốc tế tốt nhất) về ATTC. Cơ quan giám sát tài chính sử dụng các chỉ tiêu an toàn vĩ mô, các mô hình định lượng... để giám sát các bất ổn/rủi ro của toàn hệ thống tài chính và nền kinh tế. Các chỉ số giám sát tài chính vĩ mô bao gồm: tăng trưởng kinh tế, cán cân thương mại, thâm hụt cán cân vãng lai, dự trữ ngoại hối, nợ nước ngoài/GDP, nợ công/GDP, lạm phát, cho vay nền kinh tế, chênh lệch giữa lãi suất trái phiếu chính phủ trong nước và quốc tế.

Các quy định pháp lý điều chỉnh hoạt động của định chế tài chính trung gian và hệ thống tài chính cũng đóng vai trò quan trọng trong mạng lưới ATTC. Công cụ này cũng có hai mặt. Nếu như quy định pháp lý đảm bảo ATTC quá chặt chẽ và thận trọng thì các định chế tài chính trung gian cũng khó có thể phát triển, nhưng nếu quy định lỏng lẻo, để thị trường tự điều chỉnh có thể dẫn đến rủi ro cho thị trường, gây mất an toàn cho hệ thống. Chính vì vậy mà các quy định pháp lý đảm bảo an toàn hoạt động của các định chế tài chính trung gian thường được thay đổi thường xuyên cho phù hợp với tình hình phát triển chung.

Sau khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, nhiều quốc gia trên thế giới đã nhận ra rằng, để hệ thống tài chính được đảm bảo an toàn, tránh khỏi những tác động xấu từ khủng hoảng thì cần

phải lường trước và có kế hoạch ứng phó. Do đó, các *cơ chế giải quyết khủng hoảng* được nhiều quốc gia thiết lập như một phần của mạng lưới ATTC. Cơ chế này có thể được thiết lập trên quy mô quốc gia hoặc hẹp hơn là ở quy mô của từng định chế tài chính trung gian.

Một số tổ chức khác thực hiện hỗ trợ cho vay khẩn cấp, cung cấp thanh khoản, trợ giúp tổ chức tài chính hoặc đề xuất cơ chế xử lý khi đổ vỡ xảy ra. Trong tình huống đặc biệt nghiêm trọng, sẽ có sự can thiệp của khu vực công dưới hình thức chính phủ bảo lãnh cho một số khoản nợ của khu vực tư, quốc hữu hóa một số thành phần của hệ thống tài chính, giảm bớt gánh nặng giám sát hoặc thực thi chính sách tiền tệ nới lỏng.

Khi thiết lập hệ thống tài chính cần tính đến các nhân tố của hệ thống, một mặt những nhân tố này được thiết kế tránh sự sụp đổ của hệ thống tài chính, mặt khác các nhân tố cũng được thiết kế theo hướng làm giảm rủi ro đạo đức - nhân tố làm giảm đi tính kỷ luật từ thị trường. Nếu không có một mạng ATTC phù hợp, chỉ một tin đồn về vấn đề thanh khoản hay khả năng thanh toán của các định chế tài chính cũng có khả năng dẫn đến khủng hoảng tài chính ở quy mô nhỏ. Với một mạng ATTC sẵn có, lòng tin sẽ lớn hơn và khả năng xảy ra khủng hoảng tài chính sẽ thấp hơn. Tuy nhiên, trên thực tế mặc dù hệ thống tài chính tồn tại khá nhiều rủi ro nhưng khi thiết lập nó thì người ta lại không

mấy quan tâm đến việc phòng ngừa. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, song điều quan trọng là vấn đề chi phí đầu tư ban đầu rất tốn kém, lại đòi hỏi nguồn nhân lực có chuyên môn sâu tham gia.

2. Mạng an toàn tài chính quốc gia ở Việt Nam

Hiện nay mạng lưới ATTC của Việt Nam được nhìn nhận trên hai công cụ chính là Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và Hệ thống các cơ quan giám sát định chế tài chính trung gian.

- *Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (BHTGVN)* đã có từ năm 1999, thực hiện bảo hiểm cho các khoản tiền gửi bằng Việt Nam đồng lên tới 50 triệu cho các cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác và doanh nghiệp tư nhân. Mức bảo hiểm cao hơn đang được cân nhắc. Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của bảo hiểm tiền gửi. Có biên bản ghi nhớ giữa các cơ quan quản lý tài chính và hợp tác xuyên biên giới nhưng việc chia sẻ thông tin giữa các thành viên của hệ thống an toàn tài chính hiện chưa hiệu quả.

Tính đến cuối tháng 6/2013, BHTGVN thực hiện giám sát định kỳ đối với 100% tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi gồm 90 ngân hàng, 11 tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Quỹ Tín dụng nhân dân Trung ương và 1.141 Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở. Trong 6 tháng đầu năm 2013, BHTGVN đã hoàn thành kiểm tra 15 NHTM, 139 Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở. Trong tháng 6, BHTGVN đã chỉ đạo

các chi nhánh tiến hành rà soát, kiểm tra các Quỹ Tín dụng nhân dân có rủi ro cao trên địa bàn. Kết quả rà soát, kiểm tra sẽ giúp BHTGVN chủ động xây dựng, đề xuất phương án phù hợp đối với các tổ chức có mức độ rủi ro cao.

Tuy nhiên, cơ chế bảo hiểm tiền gửi chưa được dùng trong phương án xử lý nợ xấu hoặc các ngân hàng có vấn đề, do e ngại đóng cửa và thanh lý các ngân hàng mất khả năng thanh toán. Mặc dù trong trường hợp ngân hàng bị xử lý theo phương án tái cấu trúc, Bảo hiểm tiền gửi không tham gia vào quá trình này vì nhân lực đông trong khi chức năng hạn chế, mặt khác năng lực tài chính còn thấp, BHTGVN khó có thể tham gia vào quá trình xử lý các tổ chức tài chính có vấn đề.

Hiện tại số dư của Quỹ bảo hiểm tiền gửi đạt 0,8% trên tổng tiền gửi, trong khi mục tiêu đề ra là 3 - 5% tổng tiền gửi (nguồn lực cần thiết để xử lý hai tổ chức quy mô vừa phải). Bảo hiểm tiền gửi hiện đặt khá nhiều khoản đầu tư tại các tổ chức thành viên và cũng có thể vay từ các tổ chức này. Nếu một trong các tổ chức này gặp vấn đề về thanh khoản hoặc mất khả năng thanh toán, các quỹ của BHTG có thể gặp nguy hiểm và gây căng thẳng cho thanh khoản do đó sẽ xuất hiện một số rủi ro liên quan đến việc các quỹ bảo hiểm tiền gửi được đầu tư và được vay mượn.

- *Hệ thống các cơ quan giám sát trong mạng lưới an toàn tài chính tại*

Việt Nam bao gồm các cơ quan chính: Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính (với chức năng chủ yếu của Ủy ban Chứng khoán và Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm), Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Hiện tại, mỗi định chế tài chính trung gian đều có một cơ quan quản lý và giám sát trực tiếp. Các NHTM chịu sự quản lý và giám sát của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước; các công ty chứng khoán chịu sự giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các công ty bảo hiểm có Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm. Ngoài ra còn có Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia để tham mưu, tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ về việc điều phối, giám sát thị trường tài chính (ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm) và giúp Thủ tướng giám sát chung thị trường tài chính. Mỗi cơ quan nói trên báo cáo và chịu sự giám sát trực tiếp của các cơ quan chức năng khác nhau. Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước tham mưu cho Ngân hàng Nhà nước là cơ quan ngang bộ quản lý cấp nhà nước. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm trực thuộc Bộ Tài chính, tham mưu cho Bộ để quản lý cấp nhà nước về các định chế tài chính trung gian. Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia do Thủ tướng chính phủ thành lập để tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ.

Về tổng thể, Việt Nam có đầy đủ các

thành viên trong mạng ATTC quốc gia. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa các thành viên trong mạng còn lỏng lẻo. Nhiệm vụ phối hợp các hoạt động giám sát nhằm đảm bảo ATTC quốc gia thuộc trách nhiệm của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia. Tuy nhiên, vai trò Ủy ban Giám sát Tài chính trong phối hợp hoạt động của các cơ quan giám sát còn mờ nhạt, thậm chí còn được đánh giá là không có vì được tổ chức dưới góc độ là một cơ quan tư vấn, không có chức năng xây dựng chính sách và không thực sự có quyền lực giám sát cũng như xử lý các trường hợp vi phạm. Điều này dẫn đến bốn hạn chế trong hoạt động giám sát của mạng ATTC Việt Nam như sau:

Thứ nhất, các tổ chức trong mạng ATTC của Việt Nam đã gặp nhiều vấn đề trước xu thế phát triển của các tập đoàn tài chính trong thời gian qua, việc thiếu giám sát mang tính hệ thống ở tầm vĩ mô là một trong các nguyên nhân quan trọng của tình trạng không ngăn chặn được nhiều tập đoàn tài chính lợi dụng những kẽ hở của luật pháp và giám sát để lách luật.

Thứ hai, các tổ chức giám sát thuộc mạng ATTC đã gặp nhiều khó khăn trong việc xử lý các yêu cầu về giám sát các sản phẩm tài chính mới theo xu hướng tích hợp. Xu hướng này là sự đan xen giữa nhiều sản phẩm tài chính để ra đời những sản phẩm tài chính mới khiến cho việc xác định cơ quan giám sát nào

chịu trách nhiệm giám sát trở nên hết sức phức tạp.

Thứ ba, hệ thống các chỉ tiêu giám sát chưa đầy đủ và hoàn thiện, các chỉ tiêu mang tính cảnh báo sớm chưa đồng bộ dẫn đến hiệu quả ngăn chặn và phòng ngừa rủi ro còn hạn chế.

Thứ tư, hệ thống văn bản pháp lý hiện tại chưa đề cập đến khái niệm mạng ATTC, luật pháp Việt Nam cũng không cho thấy rõ trách nhiệm của từng tổ chức trong mạng ATTC khi xảy ra khủng hoảng mà cụ thể là đổ vỡ ngân hàng, nên vừa xuất hiện hiện tượng giám sát trùng lặp các hoạt động giống hoặc tương tự nhau vừa “bỏ trống” các lĩnh vực giám sát, từ đó tạo ra nguy cơ làm lãng phí nguồn lực và rủi ro hệ thống. Điều này cho thấy đã xuất hiện “khiếm khuyết” với việc thiếu sự giám sát an toàn vĩ mô bài bản từ các cơ quan liên quan đến hoạt động giám sát tài chính của Việt Nam.

3. Giải pháp phát triển mạng an toàn tài chính quốc gia ở Việt Nam

Khái niệm ATTC là rất mới trên thế giới, nó chỉ được đề cập đến từ sau khủng hoảng tài chính năm 2008 nên hiện nay Việt Nam cũng còn thiếu rất nhiều yếu tố để xây dựng và phát triển mạng ATTC quốc gia. Để mạng ATTC thực sự trở thành một công cụ quản lý vĩ mô, phát huy đầy đủ vai trò nhằm đảm bảo ATTC không chỉ ở tầm của một định chế tài chính riêng lẻ mà còn ở tầm

cả hệ thống, trong thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

3.1. Xác lập mô hình mạng ATTC quốc gia.

Hiện nay các bộ phận cấu thành nên mạng ATTC quốc gia của Việt Nam đã có nhưng chưa hoàn thiện và kết nối chưa tốt. Do đó, để tiết kiệm chi phí có thể thiết lập mạng ATTC quốc gia bằng cách trên cơ sở các bộ phận đã có thành lập Hội đồng các Cơ quan Giám sát Tài chính Quốc gia, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia có thể đứng ra làm chủ tịch Hội đồng song cần có cơ chế và quy định để các bộ phận trên có tính kết nối và thông tin tốt.

Australia là quốc gia có mạng lưới an toàn tài chính hoạt động rất tốt. IMF đã khuyến nghị các quốc gia nên tham khảo mô hình ATTC của Australia khi mà nước này được IMF đánh giá là có rất ít vụ sụp đổ ngân hàng, khủng hoảng tài chính còn ít hơn, và hệ thống ngân hàng phục hồi sau khủng hoảng rất tốt. Cơ chế quản lý tài chính của Australia bao gồm 4 tổ chức nhà nước với nhiệm vụ rõ ràng và phân quyền riêng rẽ: (1) Ngân hàng Trung ương quản lý chính sách tiền tệ và hệ thống thanh toán và đóng vai trò người cho vay cuối cùng, có nhiệm vụ bảo đảm ổn định hệ thống tài chính; (2) Cơ quan lập pháp an toàn tài chính giám sát và điều chỉnh các định chế tài chính trung gian (ngân hàng, công ty tài chính, công ty bảo hiểm),

đóng vai trò cân bằng mục tiêu an toàn tài chính và vấn đề hiệu quả, cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền và khách hàng của các định chế; (3) Kho bạc và Bộ Tài chính đóng vai trò giám sát việc sử dụng vốn công để hỗ trợ các định chế tài chính và quản lý khủng hoảng, quản lý nguồn hỗ trợ tài chính từ Chính phủ cho các định chế gặp vấn đề; (4) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đánh giá và tư vấn các tình trạng khủng hoảng cho thị trường tài chính và nhà đầu tư, công bố các hoạt động cứu trợ liên quan tới các định chế tài chính đại chúng. Bốn tổ chức nói trên hợp tác với nhau rất chặt chẽ và có sự trao đổi thông tin thường xuyên thông qua Hội đồng các nhà quản lý tài chính. Mục đích là tạo diễn đàn đối thoại và hợp tác hiệu quả cho các nhà quản lý. Trong giai đoạn bình thường, tạo các diễn đàn để các thành viên chia sẻ thông tin và lập các nhóm nghiên cứu chính sách. Trong giai đoạn khủng hoảng, tạo diễn đàn để hợp tác ứng phó với bất ổn về tài chính.

3.2. Xây dựng khung pháp lý cho việc thực hiện xây dựng mạng ATTC quốc gia và quy định rõ về hợp tác và trao đổi thông tin giữa các bộ phận của mạng ATTC.

Cần đưa khái niệm này và luật hóa khái niệm mạng ATTC trong các văn bản pháp luật, xác định rõ vai trò, chức năng của từng thành viên cũng như mối quan hệ, tính tương tác giữa các thành

viên trong việc duy trì sự ổn định, an toàn của hệ tài chính nói chung, tránh sự trùng lặp trong việc quản lý, giám sát hoạt động của các định chế. Tổ chức bộ máy, quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cơ quan này cần được quy định rõ ràng. Trong đó đặc biệt là cơ quan giám sát chung (Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia) cần đảm bảo không trùng lặp với các cơ quan quản lý và giám sát trực tiếp của các định chế tài chính trung gian.

Tuy nhiên, do các định chế tài chính trung gian không hoạt động riêng rẽ mà cùng hoạt động trong hệ thống tài chính quốc gia nên hoạt động giám sát của các cơ quan quản lý, giám sát cần có sự liên kết và trao đổi thông tin để có thể giám sát được đồng bộ. Kinh nghiệm của Australia cho thấy bốn cơ quan quản lý nói trên cùng hợp tác để thành lập Hội đồng Giám sát Tài chính Quốc gia. Điều này ở Việt Nam là hoàn toàn khả thi khi mà các cơ quan này đều tương đương nhau về cấp quản lý (trực thuộc Bộ hoặc cơ quan ngang Bộ), trừ Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia là cơ quan chịu sự quản lý trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ. Hội đồng Giám sát Tài chính Quốc gia có thể do Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia hoặc Ngân hàng Nhà nước hoặc Bộ Tài chính làm chủ tọa để thiết lập một diễn đàn chung cho việc hợp tác giữa các cơ quan chức năng thực hiện giám sát và quản lý trực tiếp các định chế tài chính trung gian. Hội đồng cần hoạt động thường xuyên khi kinh tế bình

thường cũng như trong giai đoạn khủng hoảng tài chính. Tần suất trao đổi có thể là hàng quý, nếu cần thiết, sẽ có các phiên họp bất thường để cùng thảo luận chính sách chung trong giai đoạn kiểm soát hoặc khi xuất hiện những dấu hiệu bất ổn đòi hỏi phải được giải quyết nhanh chóng. Cần xây dựng các phương án diễn tập phòng chống khủng hoảng cho từng định chế tài chính cũng như cho cả mạng ATTC quốc gia.

3.3. Xây dựng và tăng cường sức mạnh của các tổ chức tham gia mạng ATTC quốc gia.

Để đảm bảo vấn đề này cần:

- *Thiết lập người cho vay cuối cùng.*

Một mạng ATTC hoạt động hiệu quả thường bao gồm các cơ chế bảo hiểm chung cho người dân như vai trò của người cho vay cuối cùng đối với nền kinh tế. Ở Việt Nam ngoại trừ Ngân hàng Nhà nước, vẫn chưa có tổ chức nào khác đóng vai trò là người cho vay cuối cùng. Chưa có một tổ chức nào bơm tiền hỗ trợ các công ty chứng khoán hay công ty bảo hiểm khi họ khủng hoảng. Do vậy, cách để tăng cường vai trò của người cho vay cuối cùng là thiết lập thêm các tổ chức hỗ trợ cho từng định chế tài chính trung gian. Ngân hàng Trung ương có thể mở rộng vai trò người cho vay cuối cùng, không chỉ giới hạn ở việc hỗ trợ đảm bảo ATTC cho các NHTM mà có thể bảo đảm an toàn tài chính cho các định chế trung gian khác. Ngoài mạng ATTC của quốc gia,

Việt Nam cũng cần lưu ý tham gia vào hệ thống mạng ATTC của khu vực và toàn cầu, trong đó cần có mối quan hệ tốt với người cho vay cuối cùng ở tầm quốc tế là các tổ chức như IMF, Ngân hàng Thế giới (WB)...

- *Củng cố hơn nữa vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.* Bảo hiểm tiền gửi là cầu phần quan trọng của mạng lưới ATTC vì nó giúp hạn chế rủi ro người gửi tiền đổ xô đến rút tiền ồ ạt tại các NHTM, hạn chế rủi ro thanh khoản và giúp giữ ổn định thị trường và nền kinh tế. Đối với bảo hiểm tiền gửi, có hai vấn đề cần phải thiết lập hợp lý để đảm bảo an toàn cho các NHTM và cho người gửi tiền, đó là: (1) Về mức độ bảo hiểm đối với tiền gửi, không nên bảo hiểm ở mức 100% tiền gửi mà cần ở mức độ vừa đảm bảo duy trì lòng tin cho người gửi, vừa tạo động lực giám sát hoạt động của các NHTM, qua đó cũng làm giảm rủi ro đạo đức. (2) Về mức độ đóng góp của các NHTM đối bảo hiểm tiền gửi hay mức phí bảo hiểm tiền gửi, cũng cần được xây dựng ở mức hợp lý để đảm bảo nguồn vốn hoạt động cho BHTGVN. Ngoài ra, phí cần phải đảm bảo tính công bằng cho các định chế tài chính trung gian sẽ phải đóng góp theo mức độ rủi ro của mình, đồng thời khuyến khích các tổ chức này phải nỗ lực cải thiện tình trạng tài chính của mình. Cơ chế phí như vậy được gọi là cơ chế phí dựa trên rủi ro.

Bảo hiểm tiền gửi chỉ bảo đảm cho

người gửi tiền ở các NHTM. Tuy nhiên, các định chế tài chính khác nếu có rủi ro thanh khoản giống như NHTM như khách hàng của công ty chứng khoán cũng có các khoản tiền gửi nằm trong các tài khoản giao dịch chứng khoán. Khi xảy ra vấn đề về tài chính, khách hàng cũng có thể đổ xô đến rút tiền ồ ạt ra khỏi các tài khoản giao dịch gây ra cạn kiệt thanh khoản và hiệu ứng lan truyền sang các định chế tài chính còn lành mạnh khác. Như vậy, cần thiết lập các cơ chế bảo hiểm cho khách hàng của các định chế tài chính trung gian khác. Chẳng hạn, thiết lập Quỹ bảo vệ nhà đầu tư chứng khoán để bảo vệ tiền gửi giao dịch của nhà đầu tư.

3.4. Thiết lập hệ thống cơ chế cũng như các chỉ tiêu cảnh báo sớm và can thiệp sớm cho trường hợp mất an toàn tài chính của cả hệ thống.

Để đảm bảo ATTC cho cả hệ thống, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định ngăn ngừa một cuộc khủng hoảng lan rộng hay xảy ra cuộc khủng hoảng tiếp theo, các cơ quan chức năng cần có cơ chế ứng phó và can thiệp sớm tới các định chế trung gian có vấn đề. Điều này chỉ có thể đạt được nếu như có sự chuẩn bị trước, có kế hoạch sớm, thực hiện kiểm tra, giả định và luyện tập tình huống để giúp cho các cơ quan chức năng không bị động trong những trường hợp xảy ra khủng hoảng. Các chiến lược giải quyết khủng hoảng và kiểm soát khủng hoảng cần được chuẩn bị trước

thông qua các chính sách, các văn bản hướng dẫn và các dự thảo khi thực hiện mô phỏng trường hợp khủng hoảng.

Ngoài ra, các cơ quan chức năng cũng cần thiết lập cơ chế can thiệp sớm vào các định chế tài chính trung gian gặp vấn đề trước khi việc mất an toàn hệ thống xảy ra. Cơ chế can thiệp sớm này sẽ bao gồm theo dõi và giám sát thường xuyên hoạt động của các định chế tài chính trung gian, nhất là theo dõi các sản phẩm mới ra đời và hỗ trợ tài chính trong cả những giai đoạn hoạt động bình thường cũng như giai đoạn khủng hoảng.

3.5. Hợp tác chia sẻ thông tin với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Điều này đem lại nhiều lợi ích cho hệ thống tài chính Việt Nam nói chung và các định chế tài chính trung gian nói riêng. Các nước trong khu vực có đặc điểm thị trường, có sự phát triển, quy mô, văn hóa đầu tư tương tự như Việt Nam, hoạt động chia sẻ thông tin có thể giúp Việt Nam những bài học kinh nghiệm quý báu từ các quốc gia trong khu vực trong việc bảo đảm ATTC cho cả hệ thống cũng như cho từng định chế tài chính riêng biệt. Ngoài ra, hệ thống tài chính của Việt Nam là một bộ phận trong hệ thống tài chính toàn cầu. Chính vì vậy, hợp tác và gia nhập mạng ATTC toàn cầu để có được sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế. Các cơ chế bảo hiểm tiền gửi và bảo hiểm nghĩa vụ tài chính chung của các quốc gia cũng có thể hỗ

trợ phần nào khi hệ thống tài chính của Việt Nam gặp phải vấn đề gây mất an toàn. Những tổ chức đóng vai trò người cho vay cuối cùng trên toàn thế giới như IMF, WB cũng có thể hỗ trợ trong giai đoạn giải quyết và kiểm soát khủng hoảng, đưa ra các ý kiến tư vấn và hỗ trợ về tài chính, nguồn lực để ổn định hóa thị trường tài chính... Để hoạt động hợp tác và chia sẻ được hiệu quả thì các định chế tài chính trung gian và hệ thống tài chính Việt Nam cũng cần đổi mới hoạt động và hội nhập, áp dụng các chuẩn mực, tiêu chuẩn của quốc tế trong hoạt động của các định chế tài chính Việt Nam; tuân thủ theo các tiêu chí đánh giá về an toàn tài chính trên thế giới như tiêu chuẩn BASEL III, CAMELS...

Tài liệu tham khảo

1. PGS. TS. Tô Ngọc Hưng, “Mối quan hệ phối hợp giữa các thành viên mạng an toàn tài chính quốc gia - thực trạng và giải pháp”, theo *Thông tin Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam*.
2. Mạc Quang Huy (2009), *Cẩm nang Ngân hàng đầu tư*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
3. Ủy ban Kinh tế của Quốc hội (2012), *Các chỉ tiêu giám sát tài chính*, Nxb Tri Thức.
4. “Defining the financial safety net”, *The magazine of International economy*, winter 2008.
5. “Australia: Financial Safety net and Crisis Management Framework - Technical note”, *IMF Country Report No. 12/310*, 2012, International Monetary Fund.

